TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/KDTM-PT
Ngày: 07/03/2024
V/v : Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07/03/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2024/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 91/2023/ST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T3

Địa chỉ: Số C Xa lộ H, khu phố D, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Mậu Quốc D, Chức vụ:Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thùy L và bà Phạm Thị T; Địa chỉ: Tầng A, 2, 3 tòa nhà 789, số A H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số 115/GUQ/RTV/2022 ngày 26/11/2022). Bà T có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần C

Địa chỉ: Tầng H, tòa nhà V, số E K, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, tòa nhà D, số B phố T, phường M, quận N, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân L1, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Thị T1 theo Giấy uỷ quyền số 01/2024/EHN-UQTGĐ ngày 05/3/2024; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần C (sau đây gọi là "Công ty C") là khách hàng của Công ty TNHH T3 (tên cũ là Công ty TNHH T3) (sau đây gọi là "Công ty T3").

Ngày 15/02/2021 Công ty C và Công ty T3 ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1502/2021/HĐMB/EHN-T3 về mặt hàng thiết bị vệ sinh Kohler với tổng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT) là: 66.585.420 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T3 đã giao đầy đủ hàng hóa, hóa đơn GTGT và các hồ sơ đề nghị thanh toán theo đúng quy định tại Hợp đồng cho Công ty C nhưng Công ty C chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/12/2021, Công ty C xác nhận còn nợ Công ty T3 số tiền là 66.585.420 đồng. Công ty T3 đã nhiều lần liên hệ làm việc, gửi các công văn yêu cầu thanh toán nợ cũng như tạo điều kiện cho Công ty C thanh toán khoản nợ này, nhưng đến nay Công ty C vẫn né tránh, không thanh toán nợ.Việc Công ty C không trả nợ đã xâm phạm đến lợi ích chính đáng, gây khó khăn, thiệt hại cho Công ty T3.

Vì vậy, Công ty T3 đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty C phải thanh toán tổng số tiền là 84.829.825 đồng, trong đó:

- Số tiền gốc còn nợ là 66.585.420 đồng;
- Số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.326.834 đồng (8% x 66.585.420 đồng), theo quy định tại khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 07/11/2021 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ cho Công ty T3 theo quy định pháp luật, tạm tính đến hết ngày 30/11/2022 là12.917.571 đồng (0,05%/ ngày x 66.585.420 đồng x 388 ngày chậm trả).

Bị đơn trình bày:

Bị đơn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Nguyên đơn xem xét miễn lãi cho Bị đơn vì hiện nay Công ty C đang gặp rất nhiều khó khăn. Bị đơn đề xuất sẽ trả dần số tiền còn nợ, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn rút yêu cầu buộc Bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.326.834 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 91/2023/KDTM-ST ngày 09/9/2023, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3 đối với Công ty cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán trả Công ty TNHH T3 số tiền nợ chưa thanh toán 66.585.420 đồng, số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 09/9/2023 là 22.306.116 đồng. Tổng cộng: 88.891.536 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09/9/2023, Công ty cổ phần C có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý với các chứng cứ được đưa ra trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn và hợp lệ.

Xét kháng cáo của bị đơn: Hợp đồng được các bên ký kết tự nguyện, do người đại diện pháp nhân ký kết phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn thừa nhận số nợ gốc như án sơ thẩm chấp nhận là đúng, chỉ đề nghị xem xét nợ lãi.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên mức lãi suất nguyên đơn đề nghị 18,25%/năm chưa phù hợp theo quy định tại điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết số 01/2019 của HĐTP – Toà án nhân dân Tối Cao.

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng nhưng bản án không quyết định đình chỉ về nội dung này.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa 01 phần bản án sơ thẩm về số nợ lãi và sửa cách tuyên đình chỉ yêu cầu về thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp dự phí kháng cáo nên kháng cáo là hợp lệ.

Tại phiên toà sơ thẩm, Công ty T3 rút 01 phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.326.834 đồng nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn là thiếu sót. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần C:

Hợp đồng mua bán hàng hoá số 1502/2021/HĐMB/EHN-T3 ngày 15/02/2021 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty cổ phần C được các bên ký kết là tự nguyện. Theo đó bị đơn đã đặt mua hàng của nguyên đơn sản phẩm thiết bị vệ sinh nhãn hiệu Kohler. Tổng giá trị hợp đồng 66.585.420 đồng.

Công ty T3 đã giao hàng đúng số lượng, chủng loại và xuất hóa đơn GTGT cho bị đơn với tổng số tiền 66.585.420 đồng. Ngày 25/10/2021 Công ty T3 đã bàn giao toàn bộ hồ sơ thanh toán cho bị đơn.

Ngày 15/12/2021 Công ty C đã ký xác nhận số tiền còn nợ công ty T3 với số tiền là 66.585.420 đồng. Do đã quá thời hạn thanh toán, Công ty T3 đã 03 lần gửi công văn ngày 18/10/2021, ngày 13/8/2022 và 30/9/2022 đề nghị Công ty C thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không thắc mắc gì về số nợ gốc và công nhận số tiền gốc còn nợ như án sơ thẩm chấp nhận là đúng.

Như vậy có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 66.585.420 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ gốc là có căn cứ.

Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi: Theo quy định tại điều 9.3 của hợp đồng: *"Sau 03 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, bên B chưa thanh toán hết cho bên A sẽ phải chịu phạt số tiền bằng 0,2% trên số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn"*

Hồ sơ thanh toán nguyên đơn gửi bị đơn ngày 25/10/2021. Theo quy định tại điều 4.2 của Hợp đồng thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được hồ sơ thanh toán. Như vậy chậm nhất ngày 7/11/2021 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn. Do đó số tiền lãi do chậm thanh toán được tính từ ngày 8/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 9/9/2023 là 670 ngày. Trong hợp đồng các bên thoả thuận lãi suất quá hạn 0,2%/ngày (73%/năm) là không phù hợp quy định của pháp luật.

Quan hệ mua bán giữa các bên tại Hợp đồng số 1502/2021/HĐMB/EHN-T3 ngày 15/02/2021 được điều chỉnh bởi Luật thương mại. Theo quy định tại điều 306 Luật thương mại: *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có*

quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Như trên đã nêu, mức lãi suất chậm thanh toán các bên thoả thuận là quá cao, vượt mức lãi suất mà pháp luật cho phép được áp dụng theo quy định tại điều 468 BLDS. Vì vậy số tiền lãi suất chỉ được chấp nhận trên cơ sở áp dụng điều 306 Luật thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Toà án nhân dân Tối cao. Đó là: *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Toà án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng công thương, Ngân hàng ngoại thương, Ngân hàng nông nghiệp…) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh thành phố trực thuộc trung ương nơi toà án đang giải quyết, xét xử để quyết định mức lãi suất chậm trả…".*

Lãi suất do nguyên đơn đề nghị và cấp sơ thẩm áp dụng là 18,25%/năm mặc dù thấp hơn lãi suất 72%/năm quy định trong hợp đồng nhưng không phù hợp với lãi suất cho vay của 03 Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất cho vay của Ngân hàng nông nghiệp là 8%/năm, Ngân hàng Vietcombank 9,5%/năm, Ngân hàng Viettin 6,5%/năm. Lãi suất quá hạn = (8+9,5 + 6,5):3 x 150% = 12%/năm.

Do đó HĐXX áp dụng mức lãi suất 12%/năm để tính lãi suất quá hạn trên số tiền chậm thanh toán. Số tiền lãi quá hạn sẽ bằng: 66.585.420 đ x 12%/năm x 670 ngày = 14.667.035 đồng

Do sửa án sơ thẩm về cách tính lãi nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ điều 30, 35, 147, 244, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 91/2023/ST-KDTM ngày 09/9/2023 của Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3 đối với Công ty cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán trả Công ty TNHH T3 số tiền nợ chưa thanh toán theo hợp đồng 1502/2021/HĐMB/EHN-T3 ngày 15/02/2021 với số nợ gốc là 66.585.420 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 09/9/2023 là 14.667.035 đồng. Tổng cộng: 81.252.455 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3 đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần C phải chịu 4.062.622 đồng án phí KDTM sơ thẩm và không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004569 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình. Công ty cổ phần C còn phải nộp 2.062.622 đồng.

Hoàn trả Công ty TNHH T3 số tiền tạm ứng án phí 2.100.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0008011 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND Thành phố Hà Nội;*
- *TAND quận Ba Đình;*
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Chi cục THADS quận Ba Đình;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh